BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2841 /QĐ-BVHTTDL	*Hà Nội, ngày 22tháng 10 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 298/2026/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 385/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 14/2026/TT-BTP ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục 267 thủ tục hành chính (TTHC) đang có hiệu lực thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cụ thể:

1. Danh mục TTHC cấp Trung ương gồm 100 thủ tục, trong đó phân loại: 72 thủ tục đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 24 thủ tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần; 04 thủ tục chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tại Phụ lục 1.

2. Danh mục thủ tục hành chính cấp tỉnh gồm 154 thủ tục, trong đó phân loại: 122 thủ tục đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 29 thủ tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần; 03 thủ tục chưa cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tại Phụ lục 2.

3. Danh mục thủ tục hành chính cấp xã gồm 13 thủ tục, trong đó 11 thủ tục đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 02 thủ tục cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần, tại Phụ lục 3.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Cục, Vụ được giao quản lý TTHC chủ trì xây dựng hồ sơ công bố chuẩn hóa nội dung cụ thể của TTHC ở các cấp, ưu tiên các lĩnh vực được điều chỉnh do thay đổi chức năng, nhiệm vụ, đồng thời bám sát tình hình sửa đổi, ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; chuẩn hóa quy trình nội bộ giải quyết TTHC cấp Trung ương, xác định rõ thành phần hồ sơ được thay thế bằng dữ liệu. Hồ sơ gửi Văn phòng Bộ thẩm định, trình Lãnh đạo Bộ ban hành, phê duyệt theo thẩm quyền trước ngày 30/10/2026.

2. Cục Thông tin điện tử và Chuyển đổi số chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương rà soát, hoàn thiện điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến; bảo đảm cung cấp toàn trình đối với 100% TTHC đủ điều kiện. Xây dựng, vận hành quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ; bảo đảm kết nối, tái sử dụng dữ liệu và kiểm thử đáp ứng yêu cầu tại Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP trước khi triển khai.

3. Các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ chuẩn hóa, cập nhật và tổ chức thực hiện TTHC tại địa phương theo thẩm quyền.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau đây:

a) Quyết định số 1768/QĐ-BVHTTDL ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Danh mục thủ tục hành chính cấp địa phương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình năm 2025.

b) Quyết định số 2251/QĐ-BVHTTDL ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Danh mục thủ tục hành chính cấp Trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình năm 2025.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ, Giám đốc các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ *(để biết);*
- Bộ trưởng *(để cáo cáo);*
- Các Thứ trưởng;
- UBND các tỉnh, thành phố *(để phối hợp);*
- Lưu: VT, VP (HC), Tài.80.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Tạ Quang Đông

Phụ lục 2

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

(Kèm theo Quyết định số 2841 /QĐ-BVHTTDL ngày 22/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. LĨNH VỰC BÁO CHÍ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.009374	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản bản tin	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
2	1.009386	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
3	1.013781	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
4	1.013782	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
5	1.013784	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
6	1.013785	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
7	1.013788	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
8	1.013790	Thủ tục đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
9	1.013789	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
10	3.000574	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
11	1.116487	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí nhập khẩu đối với cơ quan báo chí của địa phương	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
12	3.000575	Thủ tục chấp thuận thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình phát thanh trong nước, giấy phép sản xuất kênh chương trình truyền hình trong nước (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh)	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
13	1.116208	Thủ tục chấp thuận thay đổi biểu tượng ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh)	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
14	2.001765	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
15	1.003384	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

II. LĨNH VỰC BẢN QUYỀN TÁC GIẢ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.003780	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
2	1.003801	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên quyền tác giả, quyền liên quan	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

III. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.001106	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
2	1.001123	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
3	1.001822	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
4	1.002003	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
5	1.003738	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
6	1.003793	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
7	1.003838	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
8	1.003901	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
9	1.013456	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
10	1.013801	Thủ tục cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương)	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
11	1.014217	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
12	1.014218	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
13	1.014608	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
14	1.014611	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
15	1.014609	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
16	1.014615	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
17	1.014614	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
18	1.014612	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di sản tư liệu được ghi vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu (cấp tỉnh)	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
19	1.014613	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
20	1.014610	Thủ tục bồi hoàn chi phí thực hiện việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước (cấp tỉnh)	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
21	1.014616	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
22	2.001591	Thủ tục cấp phép khai quật khảo cổ khẩn cấp	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
23	2.001641	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
24	2.001631	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.

IV. LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.011452	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
2	1.011454	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (cấp tỉnh)	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
3	2.002897	Thủ tục phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị không phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Cơ quan đại diện chủ sở hữu phim; cơ quan, tổ chức, cá nhân được các đồng chủ sở hữu phim giao hoặc ủy quyền thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
4	2.002898	Thủ tục phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị có phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Cơ quan đại diện chủ sở hữu phim; cơ quan, tổ chức, cá nhân được các đồng chủ sở hữu phim giao hoặc ủy quyền thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

V. LĨNH VỰC DU LỊCH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.001440	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
2	1.001455	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Một phần (theo điểm c khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
3	1.001837	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
4	1.003002	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
5	1.003240	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
6	1.003275	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
7	1.003490	Thủ tục công nhận khu du lịch cấp tỉnh	Một phần (theo điểm c khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
8	1.003717	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
9	1.004503	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Một phần (theo điểm c khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
10	1.004528	Thủ tục công nhận điểm du lịch	Một phần (theo điểm c khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
11	1.004572	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Một phần (theo điểm c khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
12	1.004551	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Một phần (theo điểm c khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
13	1.004580	Thủ tục công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	Một phần (theo điểm c khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
14	1.004605	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
15	1.004594	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	Một phần (theo điểm c khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
16	1.014144	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
17	1.014191	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng).	Chưa có hệ thống cung cấp DVC trực tuyến	Sở Xây dựng
18	1.014190	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)	Chưa có hệ thống cung cấp DVC trực tuyến	Sở Xây dựng
19	1.014192	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng).	Chưa có hệ thống cung cấp DVC trực tuyến	Sở Xây dựng
20	1.014629	Thủ tục thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành, giải thể hoặc phá sản	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
21	2.001628	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
22	1.004614	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
23	1.004623	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
24	1.004628	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch
25	1.001432	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở Du lịch

VI. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.012081	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
2	1.012082	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
3	1.012080	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

VII. LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.001082	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
2	1.001091	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
3	1.006412	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.

VIII. LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.001147	Thủ tục thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
2	1.001229	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
3	1.001211	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
4	1.001704	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
5	1.001738	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
6	1.001755	Thủ tục cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
7	1.001778	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
8	1.001671	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
9	1.001809	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
10	1.001833	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
11	2.001496	Thủ tục phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu nhằm mục đích kinh doanh	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

IX. LĨNH VỰC NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.009397	Thủ tục tổ chức biểu diễn nghệ thuật	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
2	1.009403	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

3	1.009398	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.
4	1.009399	Thủ tục tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT.

X. LĨNH VỰC QUẢNG CÁO

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.004645	Thủ tục thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
2	1.004650	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

XI. LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.004104	Thủ tục công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
2	1.004233	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
3	1.004321	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
4	1.002001	Thủ tục cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
5	1.001976	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
6	1.004250	Thủ tục gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
7	1.004508	Thủ tục cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
8	1.005452	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
9	2.001098	Thủ tục cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
10	2.001091	Thủ tục gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
11	2.001168	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
12	2.001169	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
13	2.002738	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
14	2.002739	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
15	2.002773	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
16	2.002772	Thủ tục cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

XII. LĨNH VỰC XUẤT BẢN

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.003868	Thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
2	1.013699	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
3	1.013698	Thủ tục cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

XIII. LĨNH VỰC IN

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	2.001564	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài (địa phương)	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
2	2.001584	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
3	2.001594	Thủ tục cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
4	2.001737	Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
5	2.001740	Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp tỉnh)	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

XIV. LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.003483	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

XV. LĨNH VỰC QUẢN LÝ HÀNG HÓA QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.003560	Thủ tục xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
2	1.003743	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu	Một phần (theo điểm a khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
3	1.003784	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

XVI. LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.003888	Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

XVII. LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.000560	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
2	1.000544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
3	1.000485	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
4	1.000883	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
5	1.000904	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
6	1.000842	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
7	1.000830	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
8	1.000983	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
9	1.001195	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
10	1.001056	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
11	1.001213	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
12	1.001517	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
13	1.001801	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
14	1.001782	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
15	1.002013	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
16	1.002022	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
17	1.002396	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
18	1.002445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
19	1.003441	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
20	1.005162	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
21	1.005357	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
22	2.002188	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Toàn trình	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

XVIII. LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.003676	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
2	1.003654	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Toàn trình	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

XIX. LĨNH VỰC VĂN HỌC

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	2.002839	Thủ tục lựa chọn đề cương để hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

2	2.002840	Thủ tục hỗ trợ sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	UBND cấp tỉnh; Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

XX. LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.000871	Thủ tục xét tặng "Giải thưởng Hồ Chí Minh" về văn học, nghệ thuật	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
2	1.000564	Thủ tục xét tặng "Giải thưởng Nhà nước" về văn học, nghệ thuật	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
3	1.001376	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ nhân dân" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
4	1.001108	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ sĩ ưu tú" (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT
5	1.001032	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Một phần	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

			(theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	
6	1.000971	Thủ tục xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	Một phần (theo điểm d khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	Sở VHTTDL hoặc Sở VHTT

Phụ lục 3

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số 2841 /QĐ-BVHTTDL ngày22/10/2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

I. LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HÓA

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.014312	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Toàn trình	UBND cấp xã
2	1.014310	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Toàn trình	UBND cấp xã

II. LĨNH VỰC GIA ĐÌNH

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.012084	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân	Toàn trình	UBND cấp xã
2	1.012085	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Toàn trình	UBND cấp xã

III. LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.013793	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Toàn trình	UBND cấp xã
2	1.013794	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Một phần (theo điểm b khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	UBND cấp xã
3	1.013792	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Một phần (theo điểm c khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2026/TT-BTP)	UBND cấp xã

IV. LĨNH VỰC IN

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	3.000569	Thủ tục xác nhận đăng ký hoạt động in (cấp xã)	Toàn trình	Phòng Văn hóa - Xã hội (thuộc UBND cấp xã)
2	3.000570	Thủ tục xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động in (cấp xã)	Toàn trình	Phòng Văn hóa - Xã hội (thuộc UBND cấp xã)

V. LĨNH VỰC PHÁT HÀNH XUẤT BẢN PHẨM

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	3.000576	Thủ tục khai báo hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Toàn trình	UBND cấp xã

VI. LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	2.000794	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	Toàn trình	UBND cấp xã

VII. LĨNH VỰC VĂN HÓA CƠ SỞ

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Đủ điều kiện cung cấp DVC trực tuyến	Cơ quan thực hiện
1	1.013791	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Toàn trình	UBND cấp xã
2	1.003622	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Toàn trình	UBND cấp xã